

**CÔNG TY TNHH KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG LỘC XUÂN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG LỘC XUÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LOC XUAN SURVEY AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TNHH KHẢO SÁT VÀ XD LỘC XUÂN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108079541

**3. Ngày thành lập:** 01/12/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6 ngách 32/45/7 phố Viên , Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                   | 8121     |
| 2.  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                   | 8130     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330     |
| 4.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 5.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933     |
| 6.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210     |
| 7.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                        | 5224     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.                                              | 8299     |
| 9.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                            | 4220     |
| 10. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311     |
| 11. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                     | 4390     |
| 12. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                      | 4632     |
| 13. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                        | 4633     |
| 14. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                    | 4641     |
| 15. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649     |
| 16. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                     | 4662     |
| 17. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663     |
| 18. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4290        |
| 20. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4312        |
| 21. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4321        |
| 22. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4322        |
| 23. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4329        |
| 24. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác<br>Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8129        |
| 25. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610        |
| 26. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4100        |
| 27. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4210        |
| 28. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4752        |
| 29. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5610        |
| 30. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6820        |
| 31. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng;<br>- Thiết kế kiến trúc công trình<br>- Thiết kế nội, ngoại thất công trình<br>- Thiết kế công trình cấp thoát nước<br>- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp<br>- Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình<br>- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình<br>- Tư vấn lập dự án công trình xây dựng<br>- Khảo sát địa hình;<br>- Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình.<br>- Trắc địa công trình | 7110(Chính) |
| 32. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: trang trí nội thất công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7410        |
| 33. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7710        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: LÊ ĐỨC CHÍNH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/03/1959

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034059000027

Ngày cấp: 24/05/2013

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 6 ngách 32/45/7 phố Viên , Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 6 ngách 32/45/7 phố Viên , Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÊ ĐỨC CHÍNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/03/1959

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034059000027

Ngày cấp: 24/05/2013

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 6 ngách 32/45/7 phố Viên , Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 6 ngách 32/45/7 phố Viên , Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội